

Số: 34/2026/QĐST-HNGĐ

Hưng Yên, ngày 14 tháng 4 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH L HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - HƯNG YÊN

- Căn cứ vào các Điều 212, 213, khoản 4 Điều 397; Điều 149 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào các Điều 51, 55, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

- Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và Lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 180/2026/TLST-HNGĐ ngày 01/4/2026 về việc “*Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn và thỏa thuận nuôi con khi ly hôn*” gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

* *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

- Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1982;

Đăng ký HKTT: TDP H, phường V, tỉnh Thái Nguyên;

Đăng ký tạm trú: thôn 32, xã N, tỉnh Lâm Đồng.

- Anh Nguyễn Đình L, sinh năm 1982;

Địa chỉ: thôn H, xã Đ, tỉnh Hưng Yên.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Cháu Nguyễn Khánh L1, sinh ngày 04/4/2010;

Đăng ký HKTT: thôn H, xã Đ, tỉnh Hưng Yên;

Đăng ký tạm trú: thôn 32, xã N, tỉnh Lâm Đồng.

Đại diện theo pháp luật của cháu L1: Anh Nguyễn Đình L và chị Nguyễn Thị H là bố mẹ đẻ của cháu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về quan hệ hôn nhân:* Anh Nguyễn Đình L và chị Nguyễn Thị H kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, tự do tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã Minh H1 (nay là UBND xã Đ), tỉnh Hưng Yên vào ngày 26/9/2007 theo quy định của pháp luật nên quan hệ hôn nhân giữa anh L và chị H là hợp pháp, được pháp luật công nhận là vợ chồng. Quá trình chung sống, tình cảm vợ chồng anh chị bình thường, đến năm 2009 vợ chồng nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do

vợ chồng bất đồng quan điểm sống, lối sống và suy nghĩ của mỗi người khác nhau. Ngoài ra, một phần vì kinh tế của vợ chồng khó khăn, áp lực kinh tế gia đình đè nặng nên vợ chồng hay xảy ra cãi nhau, sống với nhau không được hoà hợp, không có hạnh phúc. Hai anh chị đã sống ly thân nhau từ cuối năm 2009, mỗi người ở một nơi, vợ chồng không còn liên lạc, quan tâm và có trách nhiệm gì với nhau nữa. Đến nay, anh chị đều xác định không còn tình cảm vợ chồng với nhau, mục đích hôn nhân không đạt được, anh chị đã thoả thuận nhất trí thuận tình ly hôn, yêu cầu Toà án công nhận thuận tình ly hôn cho anh chị theo quy định của pháp luật.

[2] *Về con chung*: Anh Nguyễn Đình L và chị Nguyễn Thị H xác nhận, vợ chồng anh chị có 02 con chung là cháu Nguyễn Đình H1, sinh ngày 18/01/2008 và cháu Nguyễn Khánh L1, sinh ngày 04/4/2010. Ly hôn, đối với cháu H1 đã trên 18 tuổi, trưởng thành nên anh L và chị H không yêu cầu Toà án xem xét, giải quyết về vấn đề nuôi dưỡng và cấp dưỡng. Đối với cháu L1, anh L và chị H thoả thuận thống nhất, giao cháu L1 cho chị H tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục từ tháng 4/2026 cho đến khi cháu L1 đủ 18 tuổi. Về cấp dưỡng nuôi con chung, anh L và chị H thoả thuận, anh L không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H. Sau khi ly hôn, anh Nguyễn Đình L được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

[3] *Về tài sản chung, nợ chung, công sức*: Anh L và chị H có chung quan điểm xác định, anh chị không có tài sản chung, không có nợ chung, không có công sức đóng góp chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] *Về lệ phí Tòa án*: Anh L và chị H thoả thuận, anh L tự nguyện nhận chịu toàn bộ lệ phí yêu cầu công nhận thuận tình L hôn.

Xét thấy, việc thoả thuận các vấn đề trong vụ việc của các đương sự được ghi nhận trong Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành lập ngày 06/4/2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên cần được chấp nhận.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

1.1. *Về quan hệ hôn nhân*: Anh Nguyễn Đình L và chị Nguyễn Thị H thoả thuận nhất trí thuận tình ly hôn.

1.2. *Về con chung*: Anh Nguyễn Đình L và chị Nguyễn Thị H xác nhận, vợ chồng anh chị có 02 con chung là cháu Nguyễn Đình H1, sinh ngày 18/01/2008 và cháu Nguyễn Khánh L1, sinh ngày 04/4/2010. Ly hôn, đối với cháu H1 đã trên 18 tuổi, trưởng thành nên anh L và chị H không yêu cầu Toà án xem xét, giải quyết về vấn đề nuôi dưỡng và cấp dưỡng. Đối với cháu L1, anh L và chị H thoả thuận thống nhất, giao cháu L1 cho chị H tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục từ tháng 4/2026 cho đến khi cháu L1 đủ 18 tuổi. Về cấp dưỡng nuôi con chung, anh L và chị H thoả thuận, anh L không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H. Sau khi

ly hôn, anh Nguyễn Đình L được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

Vì quyền lợi của con chung, các bên đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung; yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung; yêu cầu hạn chế quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung sau khi ly hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

1.3. Về tài sản chung, nợ chung, công sức: Anh Nguyễn Đình L và chị Nguyễn Thị H xác định, vợ chồng anh chị không có tài sản chung, không có nợ chung, không có công sức đóng góp chung, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Anh Nguyễn Đình L và chị Nguyễn Thị H thỏa thuận, anh L tự nguyện nhận chịu toàn bộ 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) lệ phí sơ thẩm việc hôn nhân và gia đình nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí anh L đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số BLTU/26E/00001540 ngày 31/3/2026 của Phòng thi hành án dân sự khu vực 1 - Hưng Yên. Anh L đã nộp đủ lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND khu vực 1 - Hưng Yên;
- Phòng THADS khu vực 1 - Hưng Yên;
- Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên;
- UBND xã Đ, GCNKH số 19/2007;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Đã ký

Bùi Mạnh Quyền